

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 8-7-2020

V/v "Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lục Văn Văn.

2. Bà: Vũ Thị Hòa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Thế Trung-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 4 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1986.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Cán bộ.

ĐKKHKT: Số nhà 176, đường H, tổ 18, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Số nhà 004, đường Đ, tổ 4, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lầu A Th, sinh năm 1983.

Dân tộc: HMông; Nghề nghiệp: Tự do.

ĐKKHKT: Số nhà 176, đường H, tổ 18, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 3 năm 2020, bản tự khai của chị Nguyễn Thu H và bản tự khai của anh Lầu A Th trình bày nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Lầu A Th tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 3 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Thời gian từ tháng 6 năm 2019 đến nay, vợ chồng không sống chung, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Chị H nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không còn tình cảm hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn, anh Th nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh Lầu A Th, chị Nguyễn Thu H xác định có 01 con chung, cháu Lầu A Th1, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2013. Anh Th, chị H đều đề nghị Tòa án giải quyết anh Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th1 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Anh Th yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thu H như sau: Tuyên xử chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Lầu A Th. Giao cháu Lầu A Th1 cho anh Th quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thu H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, số tiền là 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Anh Lầu A Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đều vắng mặt, chị Nguyễn Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lầu A Th, chị Nguyễn Thu H theo quy định Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lầu A Th và chị Nguyễn Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 3 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống

chung hạnh phúc đến năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh, chị đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến vợ, chồng không sống chung từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thu H là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung và quyền trực tiếp nuôi con: Chị H và anh Th xác định có 01 con chung, cháu Lầu A Th1, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2013. Hội đồng xét xử nhận định chị H, anh Th thống nhất giao con chung cháu Lầu A Th1 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa anh Th nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng ổn định có khả năng điều kiện, đảm bảo cuộc sống của bản thân, nuôi con chung và phù hợp nguyện vọng của cháu Lầu A Th1. Do vậy, có căn cứ chấp nhận giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Th yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.500.000 đồng là chính đáng, chị H chỉ nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Xét thấy anh Th yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là cao so với thu nhập của chị H số tiền là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)/tháng, bởi lẽ chị H còn phải chi phí thuê nhà ở và chi tiêu cuộc sống sinh hoạt. Do vậy, có căn cứ buộc chị H cấp dưỡng nuôi con, số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là phù hợp điều kiện khả năng và đảm bảo quyền lợi cho con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Lầu A Th.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Lầu A Th1, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2013 cho anh Lầu A Th quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thu H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lầu A Th1 hàng tháng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lầu A Th có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng chị Nguyễn Thu H phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thu H phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị Nguyễn Thu H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0006687 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Chị Nguyễn Thu H phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Chi cục THADS TP;
- Dương sự;
- STP;
- UBND phường C,
thành phố L, tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Thái Hà